

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày 01/8/2019

*Tranh chấp về việc Thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Hỷ và Ông Nguyễn Đình Thi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 08 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ Ng, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Anh Phạm Đức Đ, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ Ng, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:*

Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đức Đ kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ Ng, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Quá trình chung sống anh chị có hai con chung là cháu Phạm Thị Hải B và Phạm Thị Hoài B cùng sinh ngày 02/10/2012. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc nên anh chị đã làm thủ tục ly hôn và đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 63/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2018. Theo đó, anh Phạm Đức Đ là người trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, từ khi ly hôn đến nay việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung do một mình chị H thực hiện; anh Đ chỉ thi thoảng đến thăm con rồi đi chứ không thực hiện nghĩa vụ theo như Quyết định của Tòa án. Nhận thấy anh Đ không đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con cái nên chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được là người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và yêu cầu anh Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị H đã xin rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

* Đối với bị đơn anh Phạm Đức Đ: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập lên làm việc nhiều lần theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên anh Đ không lên làm việc và tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được trực tiếp là người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung: Rút toàn bộ yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn vắng mặt không có lý do

Quan điểm của Viện kiểm sát: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, giao hai con chung là cháu Phạm Thị Hải B và Phạm Thị Hoài B cùng sinh ngày 02/10/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng con chung: Đình chỉ giải quyết do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:**

Vụ án này phát sinh tranh chấp từ mối quan hệ về hôn nhân và gia đình (nuôi con) Trong quá trình giải quyết Tòa án đã ban hành các thủ tục tố tụng mới nguyên đơn và bị đơn lên Tòa án làm việc, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi bị đơn cư trú nhưng bị đơn không hợp tác không lên Tòa án làm việc nên Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định; Do bị đơn không lên tham gia phiên tòa nên Tòa án đã ban hành quyết định hoãn phiên tòa; thoe thời giam mở lại phiên tòa bị đơn vẫn không lên tham gia phiên tòa không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Thôn H, xã Đ Ng, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

*** Về nội dung tranh chấp và thủ tục tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đức Đ đã làm thủ tục ly hôn và đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự theo số 63/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2018. Theo đó, hai bên thống nhất anh Phạm Đức Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng , giáo dục, trông nom cháu Phạm Thị Hải B và Phạm Thị Hoài B cùng sinh ngày 02/10/2012 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, anh Đ không thực hiện trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và trông nom con chung; hiện các con chung vẫn do chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng , giáo dục, trông nom. Do anh Đ không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quyết định 63/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2018 của Tòa án nên chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H là người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Còn về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H rút toàn bộ yêu cầu này nên Tòa án cần đình chỉ yêu cầu này do nguyên đơn rút.

Nhận định của Hội đồng xét xử:

[1] Căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 63/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2018 thì anh Phạm Đức Đ và chị Nguyễn Thị H không còn quan hệ vợ chồng; anh Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên, anh Đ không thực hiện trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung theo quyết định của Tòa án nên chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nuôi con sau ly hôn là có căn cứ.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai các con chung của anh Đ, chị H là các cháu Phạm Thị Hải B và Phạm Thị Hoài B cùng sinh ngày 02/10/2012 thì được biết các cháu sống cùng với mẹ, được mẹ quan tâm chăm sóc,

chu đáo và nguyện vọng của các cháu muốn được sống cùng với mẹ. Ngoài ra, Tòa án đã xác minh tại Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN) xã Đăk Ngo và nơi chị H, anh Đ sinh sống (Thôn H; Thôn B, xã Đ Ng) được biết anh Đ là người ham chơi, không có nghề nghiệp ổn định; việc chăm sóc, nuôi dưỡng đều do chị H thực hiện, hơn nữa chị H làm nghề cắt tóc có thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi phát triển về mọi mặt cho các cháu Phạm Thị Hải B và Phạm Thị Hoài B nên cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết; cần giao cho chị H được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung sau khi ly hôn là phù hợp.

[2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H xin rút yêu cầu nên cần đình chỉ giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội thì chị Hồng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217; Điều 218; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội:

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Giao các cháu Phạm Thị Hải B và Phạm Thị Hoài B cùng sinh ngày 02/10/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con chung mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Nguyên đơn rút nên đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội:

Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp theo biên lai số 0004632 ngày 20/12/2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T Đ;
- UBND xã Đ Ng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Quân
